

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

Quản lý kế hoạch giảng dạy

-oOo-

**Thời khóa biểu đăng ký môn học**

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456 ...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

| STT | Mã MH  | Tên môn học                            | Số TC | Sĩ số | Họ và tên             | Mã viên chức | Nhóm | Tổ TH | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Mã phòng | Tên lớp | Tuần học            |
|-----|--------|----------------------------------------|-------|-------|-----------------------|--------------|------|-------|-----|---------|---------|----------|---------|---------------------|
| 1   | 843032 | Luật Hình sự 1 - Phần chung            | 3     | 110   | Nguyễn Thị Thanh Bình | 11026        | 01   |       | 2   | 1       | 2       | 1.B003   | DLU1241 | 12345678901-----    |
| 2   |        |                                        | 3     | 110   | Nguyễn Thị Thanh Bình | 11026        |      |       | 4   | 6       | 2       | 1.B003   | DLU1241 | 12345678901-----    |
| 3   | 843032 | Luật Hình sự 1 - Phần chung            | 3     | 110   | Nguyễn Thị Thanh Bình | 11026        | 02   |       | 2   | 6       | 2       | 1.C004   | DLU1242 | 12345678901-----    |
| 4   |        |                                        | 3     | 110   | Nguyễn Thị Thanh Bình | 11026        |      |       | 6   | 4       | 2       | C.B109   | DLU1242 | 12345678901-----    |
| 5   | 843034 | Luật Tố tụng hình sự                   | 3     | 110   | Nguyễn Thị Thanh Bình | 11026        | 01   |       | 3   | 6       | 3       | 1.C004   | DLU1231 | 1-3456789012345---- |
| 6   | 843034 | Luật Tố tụng hình sự                   | 3     | 110   | Nguyễn Thị Thanh Bình | 11026        | 02   |       | 6   | 6       | 3       | C.E403   | DLU1232 | 1-3456789012345---- |
| 7   | 843038 | Luật Đất đai                           | 3     | 110   | Lê Chí Cường          | 10068        | 01   |       | 6   | 3       | 3       | C.HTC    | DLU1231 | 1-3456789012345---- |
| 8   | 843038 | Luật Đất đai                           | 3     | 110   | Lê Chí Cường          | 10068        | 02   |       | 2   | 1       | 3       | C.B107   | DLU1232 | 1-3456789012345---- |
| 9   | 843049 | Pháp luật về An sinh xã hội            | 2     | 100   | Nguyễn Văn Trang      | 11301        | 01   |       | 6   | 9       | 2       | C.E403   | DLU1221 | 123456789012345---- |
| 10  | 843049 | Pháp luật về An sinh xã hội            | 2     | 100   | Nguyễn Văn Trang      | 11301        | 02   |       | 2   | 9       | 2       | C.E402   | DLU1222 | 123456789012345---- |
| 11  | 843056 | Pháp luật về công chứng, chứng thực    | 2     | 120   | Nguyễn Thị Hồng Phước | 11534        | 01   |       | 7   | 1       | 2       | C.HTC    | DLU1221 | 123456789012345---- |
| 12  | 843056 | Pháp luật về công chứng, chứng thực    | 2     | 80    | Nguyễn Thị Hồng Phước | 11534        | 02   |       | 6   | 6       | 2       | 1.C102   | DLU1222 | 123456789012345---- |
| 13  | 843069 | Lý luận chung về nhà nước và pháp luật | 4     | 115   | Nguyễn Lâm Trâm Anh   | 10931        | 01   |       | 4   | 6       | 3       | 2.B202   | DLU1251 | -2345678901-----    |
| 14  |        |                                        | 4     | 115   | Nguyễn Lâm Trâm Anh   | 10931        |      |       | 5   | 6       | 3       | C.C105   | DLU1251 | -2345678901-----    |
| 15  | 843069 | Lý luận chung về nhà nước và pháp luật | 4     | 115   | Luyện Đức Anh         | 11505        | 02   |       | 2   | 8       | 3       | C.E502   | DLU1252 | -2345678901-----    |
| 16  |        |                                        | 4     | 115   | Luyện Đức Anh         | 11505        |      |       | 5   | 3       | 3       | C.E502   | DLU1252 | -2345678901-----    |
| 17  | 843301 | Luật Tài chính - ngân hàng             | 3     | 110   | Nguyễn Thị Hồng Phước | 11534        | 01   |       | 3   | 3       | 3       | 2.B304   | DLU1231 | 1-3456789012345---- |
| 18  | 843301 | Luật Tài chính - ngân hàng             | 3     | 110   | Nguyễn Thị Hồng Phước | 11534        | 02   |       | 5   | 1       | 3       | 1.A201   | DLU1232 | 1-3456789012345---- |
| 19  | 843307 | Luật Thương mại 1                      | 3     | 110   | Võ Thị Hoài           | 11278        | 01   |       | 5   | 1       | 3       | 2.B203   | DLU1231 | 1-3456789012345---- |
| 20  | 843307 | Luật Thương mại 1                      | 3     | 110   | Võ Thị Hoài           | 11278        | 02   |       | 4   | 1       | 3       | 2.B203   | DLU1232 | 1-3456789012345---- |
| 21  | 843307 | Luật Thương mại 1                      | 3     | 140   | Võ Thị Hoài           | 11278        | 03   |       | 5   | 9       | 2       | 2.B301   | DLU1241 | 12345678901-----    |
| 22  |        |                                        | 3     | 140   | Võ Thị Hoài           | 11278        |      |       | 6   | 9       | 2       | 2.B301   | DLU1241 | 12345678901-----    |
| 23  | 843307 | Luật Thương mại 1                      | 3     | 90    | Võ Thị Hoài           | 11278        | 04   |       | 4   | 9       | 2       | 2.B002   | DLU1242 | 12345678901-----    |
| 24  |        |                                        | 3     | 90    | Võ Thị Hoài           | 11278        |      |       | 5   | 4       | 2       | 2.C007   | DLU1242 | 12345678901-----    |

**Thời khóa biểu đăng ký môn học**

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

| STT | Mã MH  | Tên môn học                                                                           | Số TC | Sĩ số | Họ và tên            | Mã viên chức | Nhóm | Tổ TH | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Mã phòng | Tên lớp | Tuần học            |
|-----|--------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|----------------------|--------------|------|-------|-----|---------|---------|----------|---------|---------------------|
| 25  | 843405 | Luật Hành chính 2                                                                     | 2     | 110   | Đinh Thị Thanh Nga   | 11431        | 01   |       | 3   | 9       | 2       | C.C102   | DLU1241 | 12345678-----       |
| 26  |        |                                                                                       | 2     | 110   | Đinh Thị Thanh Nga   | 11431        |      |       | 4   | 1       | 2       | 1.B101   | DLU1241 | 12345678-----       |
| 27  | 843405 | Luật Hành chính 2                                                                     | 2     | 110   | Đinh Thị Thanh Nga   | 11431        | 02   |       | 3   | 1       | 2       | C.C105   | DLU1242 | 12345678-----       |
| 28  |        |                                                                                       | 2     | 110   | Đinh Thị Thanh Nga   | 11431        |      |       | 6   | 6       | 2       | C.E304   | DLU1242 | 12345678-----       |
| 29  | 843407 | Luật Dân sự 3 - Nghĩa vụ và hợp đồng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng | 3     | 110   | Vũ Thị Hồng Yến      | 11432        | 01   |       | 4   | 6       | 3       | C.E402   | DLU1231 | 1-3456789012345---- |
| 30  | 843407 | Luật Dân sự 3 - Nghĩa vụ và hợp đồng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng | 3     | 110   | Vũ Thị Hồng Yến      | 11432        | 02   |       | 5   | 8       | 3       | C.E304   | DLU1232 | 1-3456789012345---- |
| 31  | 843407 | Luật Dân sự 3 - Nghĩa vụ và hợp đồng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng | 3     | 110   | Vũ Thị Hồng Yến      | 11432        | 03   |       | 3   | 1       | 2       | C.E402   | DLU1241 | 12345678901-----    |
| 32  |        |                                                                                       | 3     | 110   | Vũ Thị Hồng Yến      | 11432        |      |       | 4   | 9       | 2       | C.E402   | DLU1241 | 12345678901-----    |
| 33  | 843407 | Luật Dân sự 3 - Nghĩa vụ và hợp đồng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng | 3     | 110   | Vũ Thị Hồng Yến      | 11432        | 04   |       | 3   | 9       | 2       | C.B107   | DLU1242 | 12345678901-----    |
| 34  |        |                                                                                       | 3     | 110   | Vũ Thị Hồng Yến      | 11432        |      |       | 5   | 6       | 2       | C.B107   | DLU1242 | 12345678901-----    |
| 35  | 843410 | Luật sở hữu trí tuệ                                                                   | 3     | 100   | Quách Thị Ngọc Thiện | 11657        | 01   |       | 7   | 6       | 3       | C.HTC    | DLU1221 | 123456789012345---- |
| 36  | 843410 | Luật sở hữu trí tuệ                                                                   | 3     | 100   | Quách Thị Ngọc Thiện | 11657        | 02   |       | 7   | 1       | 3       | C.E502   | DLU1222 | 123456789012345---- |
| 37  | 843411 | Công pháp quốc tế                                                                     | 3     | 110   | Phạm Thị Hồng My     | 11229        | 01   |       | 7   | 6       | 3       | C.E603   | DLU1231 | 1-3456789012345---- |
| 38  | 843411 | Công pháp quốc tế                                                                     | 3     | 110   | Phạm Thị Hồng My     | 11229        | 02   |       | 7   | 3       | 3       | C.E603   | DLU1232 | 1-3456789012345---- |
| 39  | 843413 | Kỹ thuật soạn thảo văn bản                                                            | 2     | 110   | Lê Thị Ngọc Mai      | 11592        | 01   |       | 2   | 1       | 3       | C.E502   | DLU1231 | 1-345678901-----    |
| 40  | 843413 | Kỹ thuật soạn thảo văn bản                                                            | 2     | 110   | Lê Thị Ngọc Mai      | 11592        | 02   |       | 2   | 8       | 3       | C.C106   | DLU1232 | 1-345678901-----    |
| 41  | 843414 | Kỹ năng hòa giải ngoài tổ tụng                                                        | 2     | 100   | Vũ Thế Hoài          | 11494        | 01   |       | 5   | 6       | 2       | C.B108   | DLU1221 | 123456789012345---- |
| 42  | 843414 | Kỹ năng hòa giải ngoài tổ tụng                                                        | 2     | 100   | Vũ Thế Hoài          | 11494        | 02   |       | 3   | 9       | 2       | C.C105   | DLU1222 | 123456789012345---- |
| 43  | 843416 | Pháp luật về môi trường                                                               | 3     | 80    | Nguyễn Lâm Trâm Anh  | 10931        | 01   |       | 3   | 6       | 3       | 1.C201   | DLU1221 | 123456789012345---- |
| 44  | 843416 | Pháp luật về môi trường                                                               | 3     | 120   | Nguyễn Lâm Trâm Anh  | 10931        | 02   |       | 2   | 8       | 3       | C.C105   | DLU1222 | 123456789012345---- |
| 45  | 843501 | Tâm lý học pháp lý                                                                    | 2     | 115   | Phan Thị Thanh Hương | 10521        | 01   |       | 3   | 1       | 3       | C.E301   | DLU1251 | -2345678901-----    |
| 46  | 843501 | Tâm lý học pháp lý                                                                    | 2     | 115   | Phan Thị Thanh Hương | 10521        | 02   |       | 2   | 1       | 3       | C.B108   | DLU1252 | -2345678901-----    |

## Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

| STT | Mã MH  | Tên môn học                                     | Số TC | Sĩ số | Họ và tên            | Mã viên chức | Nhóm | Tổ TH | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Mã phòng | Tên lớp                 | Tuần học            |
|-----|--------|-------------------------------------------------|-------|-------|----------------------|--------------|------|-------|-----|---------|---------|----------|-------------------------|---------------------|
| 47  | 843502 | Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Luật      | 3     | 115   | Vũ Thế Hoài          | 11494        | 01   |       | 2   | 4       | 2       | C.E502   | DLU1251                 | -23456789012-----   |
| 48  |        |                                                 | 3     | 115   | Vũ Thế Hoài          | 11494        |      |       | 3   | 4       | 2       | C.C102   | DLU1251                 | -23456789012-----   |
| 49  | 843502 | Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Luật      | 3     | 115   | Vũ Thế Hoài          | 11494        | 02   |       | 2   | 6       | 2       | C.A016   | DLU1252                 | -23456789012-----   |
| 50  |        |                                                 | 3     | 115   | Vũ Thế Hoài          | 11494        |      |       | 3   | 6       | 2       | C.E304   | DLU1252                 | -23456789012-----   |
| 51  | 843505 | Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng | 2     | 110   | Lê Thị Ngọc Mai      | 11592        | 01   |       | 5   | 3       | 3       | 2.B201   | DLU1241                 | 1234567890-----     |
| 52  | 843505 | Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng | 2     | 110   | Lê Thị Ngọc Mai      | 11592        | 02   |       | 6   | 8       | 3       | C.C106   | DLU1242                 | 1234567890-----     |
| 53  | 844053 | Luật Thương mại quốc tế                         | 3     | 100   | Huỳnh Minh Quân      | 11664        | 01   |       | 2   | 8       | 3       | 2.C006   | DLU1221                 | 123456789012345---- |
| 54  | 844053 | Luật Thương mại quốc tế                         | 3     | 100   | Huỳnh Minh Quân      | 11664        | 02   |       | 4   | 8       | 3       | 2.B201   | DLU1222                 | 123456789012345---- |
| 55  | 861301 | Triết học Mác - Lênin                           | 3     | 160   | Vũ Công Thương       | 11298        | 03   |       | 4   | 1       | 4       | C.HTE    | DLU1253,DLU1251,DLU1252 | -23456789012-----   |
| 56  | 862101 | Giáo dục thể chất (I)                           | 1     | 42    | Đặng Minh Quân       | 11233        | 17   |       | 5   | 9       | 2       | C.S_A05  | DLU1251                 | -23456789-----      |
| 57  |        |                                                 | 1     | 42    | Đặng Minh Quân       | 11233        |      |       | 6   | 9       | 2       | C.S_A01  | DLU1251                 | -23456789-----      |
| 58  | 862101 | Giáo dục thể chất (I)                           | 1     | 42    | Nguyễn Thị Hoàng Anh | 10624        | 18   |       | 4   | 8       | 3       | C.S_B03  | DLU1252                 | -2345678901-----    |
| 59  | 862101 | Giáo dục thể chất (I)                           | 1     | 42    | Đỗ Thụy Hội Uyên     | 10452        | 19   |       | 2   | 1       | 3       | C.S_A05  | DLU1253                 | -2345678901-----    |
| 60  | 862101 | Giáo dục thể chất (I)                           | 1     | 42    | Lê Thiện Khiêm       | 10448        | 20   |       | 2   | 1       | 3       | C.S_B05  | DLU1251                 | -2345678901-----    |
| 61  | 862101 | Giáo dục thể chất (I)                           | 1     | 42    | Lê Ngọc Long         | 10444        | 21   |       | 4   | 8       | 3       | C.S_A05  | DLU1252                 | -2345678901-----    |
| 62  | 862408 | Giáo dục quốc phòng và an ninh III              | 2     | 50    | Phạm Anh Vĩnh        | 11727        | 06   |       | 5   | 1       | 5       | 4.S_QP01 | DLU1231                 | -2-----             |
| 63  |        |                                                 | 2     | 50    | Phạm Anh Vĩnh        | 11727        |      |       | 5   | 6       | 5       | 4.S_QP01 | DLU1231                 | -2-----             |
| 64  |        |                                                 | 2     | 50    | Phạm Anh Vĩnh        | 11727        |      |       | 6   | 1       | 5       | 4.S_QP01 | DLU1231                 | -2-----             |
| 65  |        |                                                 | 2     | 50    | Phạm Anh Vĩnh        | 11727        |      |       | 6   | 6       | 5       | 4.S_QP01 | DLU1231                 | -2-----             |
| 66  |        |                                                 | 2     | 50    | Phạm Anh Vĩnh        | 11727        |      |       | 7   | 1       | 5       | 4.S_QP01 | DLU1231                 | -2-----             |
| 67  |        |                                                 | 2     | 50    | Phạm Anh Vĩnh        | 11727        |      |       | 7   | 6       | 5       | 4.S_QP01 | DLU1231                 | -2-----             |
| 68  |        |                                                 | 2     | 50    | Nguyễn Văn Úy        | 11746        | 07   |       | 5   | 1       | 5       | 4.S_QP02 | DLU1232                 | -2-----             |
| 69  | 862408 | Giáo dục quốc phòng và an ninh III              | 2     | 50    | Nguyễn Văn Úy        | 11746        |      |       | 5   | 6       | 5       | 4.S_QP02 | DLU1232                 | -2-----             |
| 70  |        |                                                 | 2     | 50    | Nguyễn Văn Úy        | 11746        |      |       | 6   | 1       | 5       | 4.S_QP02 | DLU1232                 | -2-----             |
| 71  |        |                                                 | 2     | 50    | Nguyễn Văn Úy        | 11746        |      |       | 6   | 6       | 5       | 4.S_QP02 | DLU1232                 | -2-----             |

### Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456 ...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

| STT | Mã MH  | Tên môn học                        | Số TC | Sĩ số | Họ và tên        | Mã viên chức | Nhóm | Tổ TH | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Mã phòng | Tên lớp | Tuần học          |
|-----|--------|------------------------------------|-------|-------|------------------|--------------|------|-------|-----|---------|---------|----------|---------|-------------------|
| 72  | 862408 | Giáo dục quốc phòng và an ninh III | 2     | 50    | Nguyễn Văn Úy    | 11746        | 07   |       | 7   | 1       | 5       | 4.S_QP02 | DLU1232 | -2-----           |
| 73  |        |                                    | 2     | 50    | Nguyễn Văn Úy    | 11746        |      |       | 7   | 6       | 5       | 4.S_QP02 | DLU1232 | -2-----           |
| 74  | 865005 | Logic học                          | 2     | 120   | Nguyễn Thanh Tân | 11064        | 01   |       | 6   | 6       | 3       | C.C103   | DLU1251 | --3456789012----- |
| 75  | 865005 | Logic học                          | 2     | 120   | Nguyễn Thanh Tân | 11064        | 02   |       | 6   | 3       | 3       | C.C103   | DLU1251 | --3456789012----- |
| 76  | 865005 | Logic học                          | 2     | 120   | Nguyễn Thanh Tân | 11064        | 03   |       | 5   | 3       | 3       | C.C103   | DLU1251 | --3456789012----- |

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu